

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX - VIETNAM**



SEASPIMEX®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2019

Số: 38/20/BC/TĐS/HĐQT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
- Tên tiếng Anh: SPECIAL AQUATIC PRODUCTS JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SEASPIMEX-VIETNAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302598530, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 5 năm 2019.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm lẻ tám tỷ đồng chẵn*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 51/14 Hòa Bình, P. Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM.
- Số điện thoại: (028) 37608215
- Số fax: (028) 37608213
- Website: www.seaspimex.com.vn
- Email: info@seaspimex.vnn.vn
- Mã cổ phiếu: SPV

Quá trình hình thành và phát triển:

- Tóm tắt lịch sử và hình thành và phát triển của Công ty:

Cách đây 34 năm, ngày 01-09-1983, Công ty XNK Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM - được hình thành trên cơ sở tách P.Kinh Doanh của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam – SEAPRODEX VIET NAM – đánh dấu một bước phát triển lớn mạnh của Tổng Công ty Thủy sản nói riêng và Ngành thủy sản lúc bấy giờ nói chung.

Trải qua hơn 30 năm hình thành và phát triển Công ty XNK Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM đã góp một phần không nhỏ cho ngành vào công cuộc đổi mới đất nước. Với sự lớn mạnh của mình, Công ty XNK Thủy Đặc Sản được nhà nước tặng huân chương: “*Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới*” và được Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam chọn là đơn vị đầu tiên trong ngành về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Ngày

11/01/2002 Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPILEX VIETNAM chính thức được thành lập.

Tiếp tục trong 15 năm Cổ phần hóa, Công ty đã chủ động tự cân đối, tự trang trải nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do hoạch định những chiến lược sản xuất – kinh doanh đúng hướng nên việc các công ty thành viên ra đời là một hệ quả tất yếu.

Cụ thể, ngày 01/09/2008 Nhà máy Bình Chánh đã đưa vào hoạt động với công suất hơn 15.000 tấn thành phẩm/năm.

Song song với việc phát triển bền vững đó, ngày 01/01/2011 Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPILEX VIETNAM chính thức trình diện bộ nhận diện thương hiệu mới cho tất cả các hạng mục: LOGO, CÁC ẢN PHẨM VĂN PHÒNG, TRANG WEB, BAO BÌ CHO TOÀN BỘ SẢN PHẨM

Với sự đầu tư đúng mức, hơn 30 năm kinh nghiệm trên thị trường thế giới và thị trường nội địa, chắc chắn Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPILEX VIETNAM sẽ đạt được những thành công vượt bậc về cung cấp hàng hóa chất lượng, dịch vụ kịp thời, nhanh chóng, tiện ích.

- Niêm yết: Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020 (chính)
2	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác (không hoạt động tại trụ sở)	4632
3	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
4	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản, ương cá giống (không hoạt động tại trụ sở)	0322
5	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
6	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Dịch vụ bảo quản rau quả và thực phẩm các loại (không hoạt động tại trụ sở)	1030
7	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: Lắp ráp xe gắn máy	4542
8	Bán xe mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán xe mô tô, xe máy	4541
9	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân đầu vào Chi tiết: Sản xuất nông phẩm, thực phẩm các loại (không hoạt động tại trụ sở)	1079
10	SX, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và SX nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá (không hoạt động tại trụ sở)	3530
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322



STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, kho lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm	
12	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh thủy hải sản, thức ăn nuôi thủy sản và gia súc, gia cầm. Mua bán nông lâm thủy hải sản.	4620
13	Buôn bán đồ uống Chi tiết: Mua bán rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)	4633
14	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán đồ điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình	4649
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép, kim loại màu, sản phẩm gỗ, kim khí	4662
16	Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị phục vụ nhà hàng, khách sạn	4659
17	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet	6209
18	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại	4543
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng	4663
20	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy tính và linh kiện phụ tùng, phần mềm máy tính	4651
21	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở)	5510
22	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: kinh doanh nhà hàng ăn uống	5610
23	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe ô tô	4511
24	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Giáo dục trung học chuyên nghiệp; đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở)	8532
25	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông	6190
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ cho thuê nhà, kho, kho lạnh	6810
27	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ KD khác còn lại chưa được phân đầu vào Chi tiết: Dịch vụ cung cấp nước đá	8299

- Địa bàn kinh doanh: Phần lớn xuất khẩu sang các thị trường Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á ... và thị trường nội địa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty bao gồm:

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên:

- | | |
|-----------------------|---|
| - Ông Huỳnh An Trung | Chủ tịch (Bỏ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 20/4/2019) |
| - Ông Lê Công Đức | Thành viên (Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 20/4/2019) |
| - Ông Bùi Tuấn Ngọc | Thành viên |
| - Ông Cao Thanh Định | Thành viên |
| - Ông Trần Phước Thái | Thành viên |

- Ban Điều hành Công ty gồm 05 thành viên:

- | | |
|-------------------------|--|
| - Ông Lê Công Đức | Tổng Giám đốc |
| - Ông Đặng Thành Trung | Phó Tổng Giám đốc (Tiếp nhận & bổ nhiệm từ ngày 03/5/2019) |
| - Ông Lê Minh Bằng | Phó Tổng Giám đốc (Thôi việc từ ngày 01/6/2019) |
| - Ông Nguyễn Minh Tiến | Phó Tổng Giám đốc (Hưu trí từ ngày 01/01/2020) |
| - Bà Đặng Thị Ngọc Bích | Kế toán trưởng |

- Địa điểm kinh doanh: Nhà máy Chế biến thủy sản.

Địa chỉ : B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (028) 37608215

Fax : (028) 37608213

Khuôn viên : 30.000m²

Công suất : 15.000 tấn/ năm

Bao gồm các phòng ban và các phân xưởng sau đây:

- Phòng Kế toán – Tài chính;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;
- Phòng Kế hoạch & Cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu sản phẩm;
- Phòng Kho vận;
- Phòng Kỹ thuật – Cơ điện;
- Phòng Kinh doanh Nội địa;
- Các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng Cá hồi, Phân xưởng Đồ hộp, Phân xưởng Súc sản, Phân xưởng Đông lạnh, Phân xưởng Ghe.



- **Các công ty con, chi nhánh:**

• **Seaspimex Bến Tre:**

NHÀ MÁY ĐÔNG LẠNH BA TRI (BTF)

Địa chỉ: Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Khuôn viên: 5.000m²

Công suất: 2.000 tấn/ năm

Lĩnh vực: Sản xuất, chế biến các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm càng, bạch tuộc, đùi ếch...

• **Seaspimex Hà Nội:**

Địa chỉ : 101 TT Bộ Thủy Sản, Ngõ 20 Nguyễn Công Hoan, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại : 024. 37711168 - 024. 37712498

Fax : 024. 37719431

Là đơn vị thay mặt công ty Seaspimex, các nhà máy chế biến ... quản lý, ký kết các hợp đồng và bán hàng cho thị trường từ TP.Vinh trở ra Bắc.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỷ suất lợi nhuận tối ưu.

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước, thực hiện tốt các chính sách thuế, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Không ngừng nâng cao đời sống cho CB.CNV Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV.

Đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cổ đông..

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Khai thác tối đa công suất các phân xưởng, tăng tính hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện bộ máy quản lý theo chiều hướng tinh gọn và hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Xây dựng và quảng bá hình ảnh Công ty, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư cho hệ thống phân phối thị trường nội địa, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm, phòng chống lãng phí.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động.

Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn, trợ cấp khó khăn cho người lao động bằng cách cho vay không tính lãi, cấp học bổng cho con CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn nhưng học

giới. Tổ chức thăm hỏi các CB.CNV khi ốm đau, thai sản và tặng quà cho CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn và dịp Tết Nguyên đán ...

5. Các rủi ro:

Nguồn nguyên liệu không ổn định, cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt trong khi Công ty đang thiếu hụt nguồn vốn lưu động ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng kịp thời các đơn hàng của khách hàng.

Lực lượng lao động so với công suất của máy móc thiết bị đang bị thiếu hụt nghiêm trọng và hiện tại rất khó tuyển dụng do đặc thù của ngành chế biến thủy sản.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2019 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn gặp rất nhiều thách thức, cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và trong nước;
- Chưa có kế hoạch thay thế các máy móc thiết bị cũ, công suất thấp, khó tuyển dụng công nhân trực tiếp sản xuất;
- Tài chính của Công ty vẫn chưa có giải pháp xử lý và vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay;
- Sau 10 năm hoạt động cơ sở hạ tầng liên tục xuống cấp hư hỏng, Công ty phải thường xuyên sửa chữa duy trì hoạt động, hệ thống xử lý nước thải đã quá tải do gia tăng sản xuất liên tục. Cơ quan chức năng siết chặt việc kiểm tra khai thác nguồn nước cấp, xử lý nước thải, khói thải... thực sự đã gây nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất. Ngoài ra, việc cấm tải đường dẫn vào công ty làm hạn chế lưu thông hàng hóa ra vào Công ty;
- Lực lượng lao động phổ thông liên tục giảm, số lượng công nhân lâu năm có tay nghề cao càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp, thời gian làm việc kéo dài. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách thu hút lao động phổ thông, tìm các giải pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí và tăng sản lượng;
- Nhân sự cấp cao (Giám Đốc, Phó Giám Đốc) của Chi nhánh Ba Tri xin nghỉ việc ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Chi nhánh Ba Tri;
- Bộ máy tổ chức Công ty giữ ổn định, lực lượng lao động gián tiếp được tổ chức tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Công ty.
- **Các chỉ tiêu thực hiện năm 2019:**

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2019	2018	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	14,3	12,9	13	90,2	99,2
2. Doanh thu	Tỷ đồng	424,7	368,24	386,1	86,7	95,4
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	2.815	2.342,6	2.812	83,2	83,3
4. Gia công	Tấn	3.539	2.875,9	3.360,3	81,3	85,6
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	6,9	3,9	6,3	56,5	61,9
2. Doanh thu	Tỷ đồng	212,3	102,56	193	48,3	53,1

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2019	2018	Kế hoạch	Cùng kỳ
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.385	719,9	1.384,8	52	52
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	12,2	12,3	11,1	100	110,8
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						
2. Doanh thu	Tỷ đồng	649,2	483,1	590,2	74,4	81,9
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.200	3.062,6	4.196,9	72,9	73
4. Sản lượng gia công	Tấn	3.539	2.875,9	3.360,3	81,3	85,6
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	16,5	10,65	21,8	64,5	48,9

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong BDH)

T T	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Thâm niên công tác	Chức vụ	Sở hữu CP (%)
1	Lê Công Đức	Nam	28/10/1960	Kỹ sư cơ khí Cử nhân Kinh tế	01/04/2015	Tổng Giám đốc	0,00
2	Đặng Thành Trung	Nam	16/02/1979	Kỹ sư Điện Điện tử	03/05/2019	P.TGD TT	0,00
3	Lê Minh Bằng	Nam	23/04/1966	Kỹ sư điện Cử nhân Kinh tế	01/05/2015	P. TGD	0,00
4	Nguyễn Minh Tiến	Nam	14/12/1959	KS điện	01/05/2015	P. TGD	0,00
5	Đặng Thị Ngọc Bích	Nữ	26/02/1964	Cử nhân Kinh tế	01/12/1983	Kế toán trưởng	0,00

- Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2019:

Ngày 03/5/2019: Tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty đối với ông Đặng Thành Trung.

Ngày 01/6/2019: Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Lê Minh Bằng.

Ngày 01/01/2020: Quyết định nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với ông Nguyễn Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc Cty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2019: 850 LĐ

Thu nhập BQ của người lao động/tháng: 5.800.000 đồng

- Các chính sách đối với người lao động:

Duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả lương đủ và đúng hạn cho Người lao động. Thu nhập bình quân của Người lao động trong Công ty là 5,8 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty. Hỗ trợ

xe đưa rước CB.CNV ở xa nhà máy, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CN ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty. Tặng quà sinh nhật, tổ chức tham quan nghỉ dưỡng cho CB.CNV

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị đầu tư
1	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	VNĐ	116.230.738
2	Đầu tư dài hạn khác	VNĐ	0
Tổng cộng		VNĐ	116.230.738

b. Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri:

- Chi nhánh Ba Tri tiếp tục khai thác, duy trì các mặt hàng chủ lực: đùi ếch, bạch tuộc, ghẹ xuất khẩu và nội địa.
- Sản lượng sản xuất: 719,9 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:
 - Doanh số xuất khẩu: 3,9 triệu USD.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 3,78 tỷ đồng.

Chi nhánh Hà Nội:

- Hoạt động theo mô hình giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.
- Kết quả kinh doanh năm 2019:
 - Doanh thu thực hiện: 12,3 tỷ đồng tăng 11,3% so năm 2018.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 0,83 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	383,205	367,933	
Doanh thu thuần	549,741	478,752	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22,624	12,262	
Lợi nhuận khác	(0,403)	(1,611)	
Lợi nhuận trước thuế	22,221	10,650	
Lợi nhuận sau thuế	20,197	8,204	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,870	760	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0.91	0.95	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.55	0.48	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.64	0.63	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.81	1.67	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7.25	4.11	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.43	1.30	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	3.67%	1.71%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	14.81%	5.96%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	5.27%	2.23%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4.12%	2.56%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.800.000 cổ phần (Mười triệu tám trăm ngàn cổ phần).

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến hết ngày 29/03/2019 (Danh sách do VSD cung cấp) Công ty có 533 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông Nhà nước	1	1.944.000	18,00
2	Cổ đông Tổ chức	6	1.741.700	16,13
3	Cổ đông là thành viên HĐQT	2	1.398.890	12,95
4	Cổ đông Nước ngoài	13	304.481	2,82
5	Cổ đông cá nhân	521	5.410.929	51,10
TỔNG CỘNG		543	10.800.000	100,00
Trong đó: Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP)		3	4.474.900	41,43

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.
- e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Cty năm 2019:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguyên liệu được sử dụng sản xuất và đóng gói SP trong năm 2019:

Nhà máy Bình Chánh : 7.876.391 kg

CN XN thủy sản Ba Tri : 838.740 kg

Tổng cộng : 8.715.131 kg

- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Loại năng lượng	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Điện	KWk	7.255.764	1.168.600	8.424.364
2	Xăng	lít	0	1.985	1.985
3	Dầu DO	lít	1.800	32.110	33.910
4	Dầu hỏa	lít	0	0	0
5	Củi thanh cây	kg	1.768.130	0	1.768.130

- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục và khai thác nước ngầm.

STT	Nguồn cung cấp nước	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Thủy cục	m ³	1.558	0	1.558
2	Khai thác nước ngầm	m ³	76.935	43.800	120.735

- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: 01 lần

- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 821.000.000 đồng

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2019: 850 người.

Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 5.800.000 đồng.

- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của NLD:

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CNV ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

- c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại NV.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

Về xuất khẩu:

- Hoạt động xuất khẩu trong năm 2019 tương đối ổn định, Công ty vẫn duy trì các thị trường và nhóm khách hàng truyền thống tuy nhiên tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh các đơn vị trong nước, ngoài nước. Ngành hàng cá ngừ xuất khẩu vẫn duy trì ở mức giá thấp, nguồn cung nguyên liệu vẫn biến động;
- Đối với thị trường Châu Âu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục gặp khó khăn do EU vẫn giữ nguyên cảnh cáo thẻ vàng từ năm 2017, siết chặt việc kiểm tra khai báo nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt;
- Các thị trường xuất khẩu cho các ngành hàng khác cũng gặp nhiều khó khăn như: ghe vẫn phải cạnh tranh về giá bán nhóm khách hàng chưa đa dạng; giá nguyên liệu bạch tuộc duy trì ở mức cao do sản lượng đánh bắt giảm làm giảm khả năng cạnh tranh cũng như hiệu quả kinh doanh. Năm 2019 thị trường đùôi ếch duy trì ổn định.

Về gia công:

- Hoạt động gia công vẫn duy trì bình thường tuy nhiên cũng gặp phải các khó khăn do kế hoạch sản xuất của khách hàng, đòi hỏi việc giám sát và kiểm tra chặt chẽ, hoạt động sản xuất điều chuyển sang các mặt hàng giá trị gia tăng;
- Với nỗ lực cao của các CNV trực tiếp, đội ngũ quản lý Công ty tiếp tục được tin nhiệm của các đối tác gia công trong và ngoài nước truyền thống;

0302
CÔ
CÔ
THỦY
PHÚ

- Việc gia công nội địa chủ yếu thực hiện cho Nhà máy Ba Tri do chất lượng hàng hóa ổn định, giảm áp lực sản xuất cho Nhà máy Ba Tri do máy móc thiết bị không đảm bảo, kết nối thêm 1 số khách hàng bên ngoài để tận dụng tối đa máy móc thiết bị đi thuê tạo thêm công ăn việc làm cho Công nhân.

Kinh doanh nội địa:

- Phòng Kinh doanh nội địa được kiện toàn, tinh gọn phù hợp nhiệm vụ được giao, tiết giảm chi phí trong lưu thông, tìm cơ hội mở rộng kênh phân phối, tiếp cận thêm các nhóm khách hàng trong nước;
- Duy trì các sản phẩm chủ lực: cá xốt cà, cá ngừ đóng hộp, thịt đóng hộp;
- Xây dựng mối quan hệ đối tác chặt chẽ với các siêu thị lớn, các đại lý phân phối tại các khu vực.

Năm 2019 Công ty gặp rất nhiều khó khăn, Ban Điều hành đã kịp thời điều chỉnh linh hoạt các phương án kinh doanh, tìm các giải pháp tăng trưởng, tiết giảm chi phí sản xuất.

1.2 Tình hình hoạt động của các đơn vị:

a. Nhà máy chế biến thủy sản Seaspimex:

- Trong năm 2019, tình hình giá nguyên liệu cho 2 mặt hàng chủ lực của Công ty: ghẹ, cá ngừ vẫn biến động liên tục về sản lượng, Công ty chủ động điều tiết việc cung cấp phù hợp với nhu cầu và đầu ra của Công ty;
- Khai thác bền vững các thị trường truyền thống, tạo mối quan hệ chặt chẽ với nhóm khách hàng lâu năm;
- Tiếp tục củng cố hợp tác gia công với các khách hàng nước ngoài, liên tục tìm kiếm cơ hội hợp tác và các khách hàng mới để đa dạng các ngành hàng.
- Tổng sản lượng: 5.218,5 tấn. Trong đó:
 - Sản lượng sản xuất: 2.342,6 tấn.
 - Sản lượng gia công: 2.875,9 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:
 - Doanh số xuất khẩu: 12,9 triệu USD bằng 100% năm 2018.
 - Doanh thu toàn Nhà máy: 368,24 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 6,03 tỷ đồng.

b. Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri:

- Chi nhánh Ba Tri tiếp tục khai thác, duy trì các mặt hàng chủ lực: đùi ếch, bạch tuộc, ghẹ xuất khẩu và nội địa.
- Sản lượng sản xuất: 719,9 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:
 - Doanh số xuất khẩu: 3,9 triệu USD.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 3,78 tỷ đồng.

c. Chi nhánh Hà Nội:

- Hoạt động theo mô hình giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.
- Kết quả kinh doanh năm 2019:
 - Doanh thu thực hiện: 12,3 tỷ đồng tăng 11,3% so năm 2018.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 0,83 tỷ đồng.
 -

1.2 Kết quả thực hiện năm 2019:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2019	2018	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	14,3	12,9	13	90,2	99,2
2. Doanh thu	Tỷ đồng	424,7	368,24	386,1	86,7	95,4
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	2.815	2.342,6	2.812	83,2	83,3
4. Gia công	Tấn	3.539	2.875,9	3.360,3	81,3	85,6
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	6,9	3,9	6,3	56,5	61,9
2. Doanh thu	Tỷ đồng	212,3	102,56	193	48,3	53,1
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.385	719,9	1.384,8	52	52
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1.Doanh thu	Tỷ đồng	12,2	12,3	11,1	100	110,8
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						
2. Doanh thu	Tỷ đồng	649,2	483,1	590,2	74,4	81,9
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.200	3.062,6	4.196,9	72,9	73
4. Sản lượng gia công	Tấn	3.539	2.875,9	3.360,3	81,3	85,6
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	16,5	10,65	21,8	64,5	48,9

2. Tình hình tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		219.699.364.909	224.270.603.686
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	63.510.865.339	29.170.887.554
1. Tiền	111		63.510.865.339	29.170.887.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.089.266.056	99.741.630.826
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	54.516.163.183	97.356.814.091
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.290.428.167	2.043.674.335
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.376.839.873	5.517.518.273
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(19.094.165.167)	(5.176.375.873)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	108.186.621.989	87.407.563.505
1. Hàng tồn kho	141		108.291.003.069	87.604.038.135
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(104.381.080)	(196.474.630)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.912.611.525	7.950.521.801
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	245.343.972	316.408.301
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.667.267.553	6.939.966.576
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	694.146.924
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148.233.445.437	158.934.517.913
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
II. Tài sản cố định	220		146.466.917.461	155.503.136.094
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	125.532.432.661	134.999.146.014
- Nguyên giá	222		250.062.822.048	248.179.678.235
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(124.530.389.387)	(113.180.532.221)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20.934.484.800	20.503.990.080
- Nguyên giá	228		26.330.568.000	25.313.568.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.396.083.200)	(4.809.577.920)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	-	655.700.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	655.700.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	116.230.738	116.230.738
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		116.230.738	116.230.738
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.650.297.238	2.659.451.081
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.650.297.238	2.659.451.081
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		367.932.810.346	383.205.121.599
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		230.367.461.532	246.806.491.990
I. Nợ ngắn hạn	310		230.367.461.532	246.806.491.990
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	49.490.242.931	60.147.395.875
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.763.277.802	5.036.842.317
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.933.521.479	4.902.666.449
4. Phải trả người lao động	314		17.183.424.470	16.854.774.505
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.887.271.654	2.448.867.692
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.798.420.523	1.017.342.900
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	151.613.548.160	156.395.677.570
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		697.754.513	2.924.682
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.565.348.814	136.398.629.609
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	137.565.348.814	136.398.629.609
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.800.000.000	10.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.446.988.961	8.446.988.961
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.318.359.853	9.151.640.648
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.114.370.817	(11.044.930.671)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.203.989.036	20.196.571.319
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		367.932.810.346	383.205.121.599

a. Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh): không biến động.

b. Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không biến động.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí.
- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.
- Giữ vững thị phần, tăng cường marketing thúc đẩy phát triển thị trường nội địa.

- Nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất và thay thế lao động thủ công.
- Tìm giải pháp và xây dựng kế hoạch để thu hút nguồn lao động phổ thông đáp ứng nhu cầu gia tăng sản xuất của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển tương lai:

4.1 Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Chất lượng các sản phẩm hàng hóa cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước được các khách hàng đánh giá cao, không có bất kỳ khiếu nại cũng như sự cố làm ảnh hưởng uy tín, mối quan hệ hợp tác của các bên.
- Hoạt động gia công tiếp tục nhận được sự tin cậy của khách hàng nước ngoài, quản lý chất lượng được cải tiến, nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài, kéo thêm các khách hàng tiềm năng đặt vấn đề hợp tác với Công ty.
- Thị trường xuất khẩu và nội địa các sản phẩm đóng hộp giữ vững và tiếp tục khai thác.
- Bộ máy quản lý được củng cố, CBCNV đoàn kết gắn bó lâu dài với Công ty.

b. Khó khăn:

- Lực lượng lao động khó tuyển dụng, năng suất lao động thấp, thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề.
- Nguồn vốn đáp ứng cho sản xuất kinh doanh vẫn phụ thuộc vào nguồn vay.
- Cơ sở hạ tầng, phụ trợ xuống cấp, không đáp ứng kịp gia tăng sản xuất.
- Tình hình dịch bệnh do virus Corona chắc chắn sẽ gây tác động tiêu cực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Theo đánh giá của Ban Điều hành năm 2020 sẽ là năm tiếp tục đặt ra rất nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Với tình hình thực tế như vậy, Ban Điều hành đề nghị các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 như sau:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	381	12,9	2.709,6	3.240,7
2	Chi nhánh Ba Tri	142,6	4,2	680	
3	Chi nhánh Hà Nội	13,5			
Tổng cộng		537,1	17,1	3.389,6	3.240,7

Tổng lợi nhuận toàn Công ty năm 2019: 25 tỷ đồng

4.3 Các kiến nghị và giải pháp:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí.
- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.
- Giữ vững thị phần, tăng cường marketing thúc đẩy phát triển thị trường nội địa.
- Nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất và thay thế lao động thủ công.

- Tìm giải pháp và xây dựng kế hoạch để thu hút nguồn lao động phổ thông đáp ứng nhu cầu gia tăng sản xuất của Công ty.
- 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) – (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần):** không có
- 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**
 - a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):
Về tiêu thụ nước và năng lượng phục vụ cho quá trình sản xuất, Công ty luôn chủ trương sử dụng tiết kiệm.
 - b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CNV ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.
Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.
 - c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:
Công ty hỗ trợ trao quà cho các hộ khó khăn tại địa phương vào dịp Tết nguyên đán. Đồng thời cũng đóng góp vào các công tác văn hóa, xã hội khác cho địa phương khi có phát động phong trào.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

- Năm 2019 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn gặp rất nhiều thách thức, cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và trong nước;
- Chưa có kế hoạch thay thế các máy móc thiết bị cũ, công suất thấp, khó tuyển dụng công nhân trực tiếp sản xuất;
- Tài chính của Công ty vẫn chưa có giải pháp xử lý và vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay;
- Sau 10 năm hoạt động cơ sở hạ tầng liên tục xuống cấp hư hỏng, Công ty phải thường xuyên sửa chữa duy trì hoạt động, hệ thống xử lý nước thải đã quá tải do gia tăng sản xuất liên tục. Cơ quan chức năng siết chặt việc kiểm tra khai thác nguồn nước cấp, xử lý nước thải, khói thải... thực sự đã gây nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất. Ngoài ra, việc cấm tải đường dẫn vào công ty làm hạn chế lưu thông hàng hóa ra vào Công ty;
- Lực lượng lao động phổ thông liên tục giảm, số lượng công nhân lâu năm có tay nghề cao càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp, thời gian làm việc kéo dài. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách thu hút lao động phổ thông, tìm các giải pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí và tăng sản lượng;
- Nhân sự cấp cao (Giám Đốc, Phó Giám Đốc) của Chi nhánh Ba Tri xin nghỉ việc ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Chi nhánh Ba Tri;
- Bộ máy tổ chức Công ty giữ ổn định, lực lượng lao động gián tiếp được tổ chức tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ban Giám đốc công ty:

- HĐQT đã thường xuyên bám sát, theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt, chỉ đạo một số nội dung chính như sau:
 - ✓ Phê duyệt kế hoạch SXKD, tài chính, nhân sự cấp cao, mức lương Ban Tổng Giám đốc và các vị trí khác thuộc thẩm quyền;
 - ✓ Phê duyệt các nội dung về vay vốn, hạn mức tín dụng vay tại các ngân hàng;
 - ✓ Chỉ đạo hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán, Báo cáo thường niên và công bố thông tin theo đúng quy định;
 - ✓ Phê duyệt, thông qua kế hoạch, nội dung, tài liệu, thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	381	12,9	2.709,6	3.240,7
2	Chi nhánh Ba Tri	142,6	4,2	680	
3	Chi nhánh Hà Nội	13,5			
Tổng cộng		537,1	17,1	3.389,6	3.240,7

Tổng lợi nhuận toàn Công ty năm 2020: 25 tỷ đồng

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	TV điều hành	TV độc lập	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Huỳnh An Trung	Chủ tịch		X	0	0	Bỏ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 20/4/2019
2	Lê Công Đức	Thành viên	X		0	0	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 20/4/2019
3	Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên		X	278.890	2,58	Cổ đông cá nhân
4	Cao Thanh Định	Thành viên		X	1.120.000	10,37	Cổ đông cá nhân
5	Trần Phước Thái	Thành viên		X	1.296.000	12,00	Đại diện vốn NN

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã triển khai 13 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 08 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp gián tiếp:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Huỳnh An Trung	Chủ tịch	13/13	100,00	
2	Ông Lê Công Đức	Chủ tịch	13/13	100,00	
3	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	13/13	100,00	
4	Ông Trần Phước Thái	Thành viên	13/13	100,00	
5	Ông Cao Thanh Định	Thành viên	10/13	76,92	Vắng có lý do

HĐQT thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2019

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	05/19/NQ/TĐS/HĐQT	18/01/2019	- Thông qua Bảng BC KQSXKD năm 2018 của TGD. - Thông nhất Kế hoạch SXKD năm 2019 của BTGD. - Thông nhất lựa chọn Cty kiểm toán BCTC năm 2019. - Thông nhất thưởng cho TGD cty 02 tháng lương, Ban lãnh đạo 01 tháng lương công việc. - Thông qua việc tái ký HĐLĐ với bà Đặng Thị Ngọc Bích – Kế toán trưởng Cty.
2	09/19/NQ/TĐS/HĐQT	01/03/2019	QĐ v/v cử Cán bộ đi công tác Hoa Kỳ
3	11/19/QĐ/TĐS/HĐQT	04/03/2019	Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận 2018 của TGD.
4	14/19/NQ/TĐS/HĐQT	25/03/2019	Quyết định v/v thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
5	15/19/NQ/TĐS/HĐQT	25/03/2019	- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán. - Chấp thuận đơn xin thôi việc của ông Ngô Đoàn Cường – Giám đốc CN Ba Tri.
6	17/19/NQ/TĐS/HĐQT	01/04/2019	- Thông qua nội dung Tài liệu họp dự thảo chuẩn bị cho việc tổ chức ĐHĐCĐ TN năm 2019. - Thông nhất mức chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2018 là 5%/ vốn điều lệ. - Thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa dự kiến điều hành Đại hội.
7	29/19/NQ/TĐS/HĐQT	19/04/2019	- Thông qua Báo cáo hoạt động SXKD quý 1/2019. - Thông nhất miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy Đặc Sản đối với ông Lê Công Đức kể từ ngày 20/4/2019. - Thông nhất điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo đúng Điều lệ Cty.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			Chấp thuận Tờ trình của TGD v/v tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cao cấp đảm nhận vị trí Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Thủy Đặc Sản đ/v ông Đặng Thành Trung kể từ ngày 03/5/2019.
8	32/19/NQ/TĐS/HĐQT	03/05/2019	- Chấp thuận Đơn xin thôi việc của ông Lê Minh Bằng – Phó TGD CTCP Thủy Đặc Sản. - Thông nhất việc ủy quyền của Chủ tịch HĐQT ủy quyền cho TGD thực hiện các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD. - Thông nhất điều chỉnh mức lương của TGD Cty. - Thông nhất mức lương của Phó TGD Cty.
9	44/19/NQ/TĐS/HĐQT	06/06/2019	- Giao TGD Cty chỉ đạo xây dựng Kế hoạch kinh doanh nội địa 6 tháng cuối năm. - Chấp thuận đơn xin chấm dứt HĐLĐ của ông Lê Quý – Phó Giám đốc CN Ba Tri.
10	44/19/NQ/TĐS/HĐQT	06/06/2019	- Thông nhất miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Chi nhánh Ba Tri, đồng thời bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc CN CTCP Thủy Đặc Sản – XN Thủy sản Ba Tri đ/v ông Lê Hữu Kiệt kể từ ngày 01/7/2019. - Thông nhất bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng CN CTCP Thủy Đặc Sản – XN Thủy sản Ba Tri đ/v ông Nguyễn Minh Trung kể từ ngày 01/7/2019. - Thông nhất điều chỉnh mức lương công việc của Cán bộ quản lý Công ty theo tờ trình số 213/19/TTr/TĐS/TGD ngày 27/6/2019.
11	57/19/NQ/TĐS/HĐQT	22/07/2019	- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2019 của Tổng Giám đốc Cty. - Thông nhất chủ trương phát triển sản phẩm mới phục vụ cho thị trường nội địa. - Thông nhất chủ trương thảo luận để ký hợp đồng hợp tác chiến lược với CTCP Thực phẩm Cholimex để kết nối các sản phẩm chủ lực của Seaspimex với hệ thống phân phối nội địa của Cholimex Food. - Thông qua Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT và Quy chế Quản lý tài chính.
12	65/19/NQ/TĐS/HĐQT	22/10/2019	- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng năm 2019 của TGD Cty. - Thông nhất việc trích lập dự phòng khoản nợ của khách hàng Bonamar. Đề nghị Ban điều hành tiếp tục tập hợp đầy đủ hồ sơ cho việc xử lý nợ của khách hàng Bonamar, theo dõi và thu hồi khoản nợ của khách hàng này. - Thông nhất tờ trình v/v nhu cầu vay vốn lưu động năm 2020 của Tổng Giám đốc. - Thông nhất chọn Cty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán & kiểm toán Nam Việt để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 cho CTCP Thủy Đặc Sản. - Thông qua phương án sửa chữa đường nội bộ tại Nhà máy Seaspimex theo đề nghị của TGD. - Giao Ban điều hành Cty lập kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản, lập bảng dự toán kinh phí mua sắm và sửa chữa máy móc thiết bị trong năm 2020. - Giao Chủ tịch HĐQT lựa chọn và đàm phán với Cty tư vấn

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			để lập phương án phát hành cổ phiếu trình HĐQT xem xét.
13	67/19/NQ/TĐS/HĐQT	14/11/2019	Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh Giám đốc kinh doanh nội địa.
14	70/19/NQ/TĐS/HĐQT	02/12/2019	Quyết định v/v nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với ông Nguyễn Minh Tiến – Phó TGĐ Cty kể từ ngày 01/01/2020.
15	71/19/NQ/TĐS/HĐQT	06/12/2019	- Thống nhất chủ trương đầu tư Nhà máy mới tại KCN Vĩnh Lộc – Bến Lức (Vĩnh Lộc 2) với quy mô đầu tư khoảng 5 ha. - Thống nhất thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá đất và tài sản trên đất tại Nhà máy. - Giao Chủ tịch HĐQT đàm phán với KCN Vĩnh Lộc 2 để thống nhất việc thuê đất dựa trên Biên bản ghi nhớ giữa hai bên. - Giao Tổng Giám đốc: - Xây dựng phương án đầu tư Nhà máy mới tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2; - Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh đề xuất mức thù lao của Thành viên HĐQT, thành viên BKS trong năm 2020; - Lập phương án điều chỉnh mức lương công việc của một số cấp Quản lý tại Cty theo tình hình thực tế. - Giao Chủ tịch HĐQT lựa chọn và đàm phán với Cty tư vấn để lập phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 Khối lượng cổ phiếu phát hành không thành công trong giai đoạn 1 sẽ giao cho HĐQT xem xét, quyết định về số lượng, giá bán và lựa chọn nhà đầu tư.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Phạm Văn Tranh	Trưởng BKS	0	0	
2	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên BKS	0	0	
3	Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên BKS	0	0	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao.
- Các cuộc họp trực tiếp của HĐQT đều có thông báo đến Ban kiểm soát, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2019 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát.
- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT.
- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo.
- Trong năm 2019 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành.

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính năm 2019 theo đúng pháp luật của nhà nước.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2019 là 96.000.000 đồng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2019, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công vụ cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT với tổng mức thù lao là 360.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*) đúng theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua, cụ thể như sau:

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2019:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	4.000.000	192.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	12	4.000.000	48.000.000
4	Thành viên BKS	02	12	2.000.000	48.000.000
5	Thư ký HĐQT	01	12	2.000.000	24.000.000
Tổng cộng					360.000.000 (1)

Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Cty năm 2019:

Năm 2019, Ban điều hành Công ty bao gồm 04 thành viên trong đó có:

- 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty (kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty);
- 03 (ba) thành viên chuyên trách điều hành Công ty (02 Phó Tổng Giám đốc + 01 Kế toán trưởng);
- Năm 2019, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho Tổng Giám đốc với số tiền: 914.664.317 đồng (*chín trăm mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm mười bảy đồng*).
- Tổng mức lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2019 là: **2.550.906.718 đồng** (*hai tỷ năm trăm năm mươi triệu chín trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm mười tám đồng*) (2)

Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT; lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2019 là:

(1) + (2) = 2.898.906.718 đồng (hai tỷ tám trăm chín mươi tám triệu chín trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm mười tám đồng)

- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Ban điều hành, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	CTCP Đầu tư Vina	Tổ chức có quan hệ với TV HĐQT	1.402.900	12,99	1.710.800	15,84	Tăng tỷ lệ nắm giữ (Tính đến ngày 17/12/2019)
2	Cao Thanh Định	TV HĐQT	1.120.000	10,37	0	0	Giảm tỷ lệ nắm giữ

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty)

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

VI. Báo cáo tài chính:

Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản, được lập ngày 29 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VII.10 trang 39 phần thuyết minh báo cáo tài chính như sau: Theo công văn số 9588/STC-BVG ngày 15/12/2015 của Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh thì Sở Tài chính đã đề nghị Cục thuế Thành Phố Hồ Chí Minh xác định lại khoản chênh lệch giữa giá thuê đất và giá Công ty CP Thủy đặc sản cho thuê lại khu đất 16.379 m² tại 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú để thu hồi (nếu có). Đến thời điểm phát hành báo cáo này Sở tài chính, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi Cục Thuế Quận Tân Phú vẫn chưa đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này.

Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Chi tiết về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 xin vui lòng xem tại trang web: www.seaspimex.com.vn (Trang Quan hệ cổ đông → Công bố thông tin năm 2019 → Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2019).

Nơi nhận:

- UB CKNN, SGD CKHN;
- TV HĐQT, Trưởng BKS;
- Lưu VT. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



HUỲNH AN TRUNG